TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13 /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 19/8/2017
V/v tranh chấp ly hôn và con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:(6)

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Thoại

2. Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Đình Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm tham gia phiên toà:Ông Lưu Văn A -Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khaivụ án thụ lý số: 155/ 2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2017về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/ 2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1968

*Địa chỉ cư trú:*Phòng 209 A2 D3, khu đô thị Đ, xã Đ, huyện G, Thành phố Hà Nội

Nơi ĐKHKTT: Thôn D, xã D, huyện G, Thành phố Hà Nội

2. Bị đơn: Anh Đoàn Bình H, sinh năm 1960 (vắng mặt lần 2 không có lý do)

Địa chỉ cư trú: Phòng 209 A2 D3, khu đô thị Đ, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội

Nơi ĐKHKTT: Thôn D, xã D, huyện G, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/4/2017 và tại các lời khai tại tòa cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Đoàn Bình H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện G, thành phố Hà Nội ngày 11/01/1991, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người công việc không ổn định, bản thân anh H hay rượu chè, cờ bạc dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị H đã phải bỏ nhà ra thuê chỗ ở khác từ năm 2014 đến nay, nhưng hàng tuần chị vẫn về thăm con, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng cuối năm 2016 đến nay. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị H và anh H có hai con chung là Đoàn Bình H sinh ngày 23/10/1995 và Đoàn Đức H sinh ngày 12/01/2000.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, anh H đã nhận Thông báo thụ lý vụ án, nhưng anh H không có ý kiến gì bằng văn bản gửi cho Tòa án, các giai đoạn tiếp theo của quá trình giải quyết vụ án anh H đều không nhận bất cứ văn bản nào. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình cụ thể là về quan hệ hôn nhân chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh H; về con chung vợ chồng có hai con chung là cháu Đoàn Bình H sinh ngày 23/10/1995 hiện nay cháu đã đủ 18 tuổi không có nhược điểm gì nên chị không đề nghị, cháu Đoàn Đức H sinh ngày 12/01/2000 chị nhất trí với yêu cầu của cháu và chị sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng là 1.500.000đ/tháng; về tài sản chung chị H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm

quyền, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, cũng như quá trình thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định.

Các thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa có mặt đúng như trong quyết định, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đầy đủ và đúng quy định trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn không chấp hành các quy định về quyền và nghĩa vụ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H xử cho chị H được ly hôn anh H; về con chung giao cháu H cho anh H nuôi, chị H cấp dưỡng theo quy định đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có yêu cầu mới; về tài sản không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Đoàn Bình H đã được cấp tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng tiếp theo anh H không nhận nên Tòa án không thực hiện được việc cấp tống đạt trực tiếp mà tiến hành thủ tục niêm yết công khai tại nơi cư trú, tại phiên tòa hôm nay anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt bị đơn được quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Đoàn Bình H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện G ngày 11/01/1991 nên đây là một hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới chị H và anh H đã có thời gian dài sống hạnh phúc, theo chị H thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bắt đầu từ năm 2014, nguyên nhân là do công việc của vợ chồng không ổn định, từ đó xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị H phải thuê nhà ở chỗ khác từ năm 2014 đến nay, còn tình cảm vợ chồng chấm dứt từ cuối năm 2016, nay chị xét thấy tình cảm không còn nên xin được ly hôn anh H, anh H mặc dù đã biết được việc chị H xin ly hôn, nhưng anh H không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình tại Tòa án, mục đích của anh là gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, chứ không phải kéo dài để vợ chồng về đoàn tụ với nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh H đã trầm trọng , đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh H là

phù hợp với ý kiến của Kiểm sát viên cũng như phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đoàn Bình H có hai con chung là Đoàn Bình H sinh ngày 23/10/1995, hiện nay cháu H đã trưởng thành , không có nhược điểm gì nên Tòa án không xem xét; con chung thứ hai Đoàn Đức H sinh ngày 12/01/2000, hiện nay cháu H đang ở với anh H, bản thân cháu cũng muốn ở với bố nên cần xử giao cháu H cho anh H nuôi dưỡng, chị H không trực tiếp nuôi con chung thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng là 1.500.000đ cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc có yêu cầu mới.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu, anh Đoàn Bình H không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đoàn Bình H.

2/ Về con chung: Con chung là Đoàn Bình H sinh ngày 23/10/1995 đã trưởng thành nên Tòa án không điều chỉnh. Xử giao con chung là cháu Đoàn Đức H sinh ngày 12/01/2000 cho anh Đoàn Bình H nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng cho anh Đoàn Bình H là 1.500.000đ/ 01 tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có yêu cầu mới.

Không ai được cản trở việc thăm nom con chung của chị Nguyễn Thị H

3/Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, số tiền 300.000đ mà chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2010/0002922 ngày 25/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G chuyển thành án phí ly hôn sơ thẩm. chị H phải tiếp tục nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H, vắng mặt bị đơn là anh Đoàn Bình H. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong

hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đối với nguyên đơn, bị đơn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự.*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện G*
- *Lưu HSVA*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Bùi Quang Trung